TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Yến.

2. Ông Nguyễn Thanh Sang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho không tham gia phiên tòa.***

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 639/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Võ Ngọc A**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị T, vắng mặt anh A)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị To trình bày: Chị và anh Võ Ngọc A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng. Đến tháng 08/2018 thì phát sinh nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống hằng ngày, dẫn đến vợ chồng thuyền xuyên cải vả, sau đó anh chị sống ly thân từ tháng 09/2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Ngọc A.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Ngọc A đã được Toà án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, ngày 23/6/2017. Ngày 29/8/2019 chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Võ Ngọc A đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Võ Ngọc A được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của chị T và anh A là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp nên dẫn đến nhiều bất đồng, cãi vả trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 09/2018 đến nay, không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh A đến để tham dự phiên toà, nhưng anh A vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh A không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị T trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh A nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Võ Ngọc A.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000346 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Võ Ngọc A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- VKSND TP M;
- CCTHADS TP M;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.